

**BỘ TÀI NGUYÊN  
VÀ MÔI TRƯỜNG - BỘ NỘI VỤ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2015

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**  
**Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức**  
**chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn***Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;**Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;**Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;**Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;**Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;**Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn.***Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư liên tịch này quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

**Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn**

- |                                               |                   |
|-----------------------------------------------|-------------------|
| 1. Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II  | Mã số: V.06.04.10 |
| 2. Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III | Mã số: V.06.04.11 |
| 3. Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV  | Mã số: V.06.04.12 |

**Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn**

1. Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao, luôn tuân thủ pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Có tinh thần cầu thị, hợp tác và không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tích cực nghiên cứu và chủ động áp dụng các thành tựu khoa học trong công tác kiểm soát khí tượng thủy văn; tâm huyết với công việc.

3. Không lợi dụng chức danh, quyền hạn để hoạt động xâm hại đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia; không mưu cầu lợi ích cá nhân; giữ gìn bí mật quốc gia trong phạm vi chuyên môn của mình.

4. Có lối sống lành mạnh, gương mẫu; không quan liêu, tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tích cực đấu tranh với những hành vi tiêu cực.

5. Trung thực, đoàn kết, khách quan, khiêm tốn và không sách nhiễu, gây cản trở khi thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến quyền và lợi ích của công dân.

## **Chương II**

### **TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 4. Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II - Mã số: V.06.04.10****1. Nhiệm vụ:**

a) Chủ trì việc lập kế hoạch thu thập tài liệu, tổ chức thực hiện công tác kiểm soát số liệu khí tượng, thủy văn, hải dương, môi trường, định vị sét (sau đây gọi chung là khí tượng thủy văn) theo chức trách được giao;

b) Chủ trì thẩm tra việc chỉnh biên số liệu, các hồ sơ văn bản về chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn theo thẩm quyền; đánh giá kết quả phân tích, tính toán, lập biểu và thuyết minh chỉnh biên; đề xuất những giải pháp kỹ thuật để nâng cao chất lượng chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;

d) Chủ trì đề xuất và tham gia chỉ đạo công tác kiểm tra kỹ thuật mạng lưới trạm và các thiết bị quan trắc; đánh giá tình hình hoạt động, kết quả quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn;

đ) Chủ trì việc tổng kết đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm về công tác chỉnh biên, kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn theo chức trách được giao; tư vấn, đề xuất những giải pháp kỹ thuật để nâng cao chất lượng chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;

e) Tham gia các đề tài nghiên cứu; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quan trắc, kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn;

g) Tham gia biên soạn tài liệu và đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn từ hạng tương đương trở xuống; tập huấn sử dụng các phần mềm chỉnh biên, kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn.

### 2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành khí tượng, thủy văn, hải văn, hải dương, môi trường hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn quy định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT);

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II.

### 3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được chiến lược phát triển ngành khí tượng thủy văn;

b) Có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực điều tra cơ bản khí tượng thủy văn, đủ năng lực chuyên môn để thực hiện công tác kiểm soát;

c) Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực quản lý và quan trắc số liệu điều tra cơ bản khí tượng thủy văn;

d) Nắm vững tính năng, tác dụng của các loại máy, trang thiết bị quan trắc, các phương pháp tính toán chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;

đ) Nắm vững phần mềm chuyên môn để thực hiện và giám sát công tác kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn;

e) Nắm vững điều kiện địa lý - khí hậu và nhân tố khác ảnh hưởng đến chất lượng số liệu khí tượng thủy văn;

g) Có khả năng tổ chức triển khai hoạt động kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn;

h) Tham gia ít nhất 01 (một) đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên hoặc chủ trì 01 (một) đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

**4. Việc thăng hạng chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II:**

Viên chức thăng hạng từ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III lên chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III từ đủ 02 (hai) năm trở lên.

**Điều 5. Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III - Mã số: V.06.04.11**

**1. Nhiệm vụ:**

- a) Thẩm định kết quả chỉnh biên, hồ sơ văn bản về số liệu khí tượng thủy văn;
- b) Phân tích, đánh giá kết quả tính toán, lập biểu và thuyết minh chỉnh biên; đề xuất những giải pháp kỹ thuật để nâng cao chất lượng chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;
- c) Đề xuất, tham gia chỉ đạo công tác kiểm tra kỹ thuật mạng lưới trạm và các thiết bị quan trắc; đánh giá kết quả quan trắc các yếu tố khí tượng thủy văn;
- d) Tham gia các đề tài nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực điều tra cơ bản khí tượng thủy văn; tham gia biên soạn tài liệu kỹ thuật phục vụ công tác kiểm soát, chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;
- đ) Tham gia tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác kiểm soát, chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn theo chức trách được giao; đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm soát, chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;
- e) Lập báo cáo kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn; chịu trách nhiệm chính về kết quả báo cáo kiểm soát;
- g) Tham gia biên soạn tài liệu và đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn từ hạng tương đương trở xuống.

**2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:**

- a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành khí tượng, thủy văn, hải văn, hải dương, môi trường hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn quy định;
- b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III.

### 3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chuyên môn về lĩnh vực quan trắc và khảo sát khí tượng thủy văn; đủ năng lực chuyên môn để thực hiện công tác kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn;

b) Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quan trắc số liệu khí tượng thủy văn;

c) Nắm được tính năng, nguyên lý và tác dụng của các loại máy, trang thiết bị quan trắc; hiểu và sử dụng thành thạo các phương pháp tính toán chỉnh biên;

d) Có khả năng sử dụng được phần mềm chuyên môn để thực hiện công tác kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn;

đ) Nắm được điều kiện địa lý - khí hậu và nhân tố khác ảnh hưởng đến chất lượng số liệu khí tượng thủy văn.

### 4. Việc thăng hạng chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III:

Viên chức thăng hạng từ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV lên chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV, như sau:

a) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ cao đẳng trở lên phải có thời gian công tác giữ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm;

b) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ trung cấp phải có thời gian công tác giữ chức danh kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV tối thiểu đủ 03 (ba) năm.

## **Điều 6. Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV - Mã số: V.06.04.12**

### 1. Nhiệm vụ:

a) Kiểm tra, kiểm soát chất lượng số liệu quan trắc khí tượng thủy văn, phát hiện sai sót, xử lý số liệu theo đúng quy chuẩn kỹ thuật;

b) Kiểm soát cách thức ghi, mã hóa số liệu và thực hiện mã luật hiện hành;

c) Kiểm tra số đọc từ máy tự ghi, các phương pháp tính toán, quy toán giản đồ, xử lý tốt sự cố trên giản đồ tự ghi và các loại trang thiết bị quan trắc;

d) Đánh giá kết quả chỉnh biên theo nhiệm vụ được giao;

đ) Kiểm soát, biên tập báo biểu tài liệu khí tượng thủy văn;

e) Đề xuất những giải pháp kỹ thuật để nâng cao chất lượng kiểm soát, chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;

g) Tham gia các đề tài nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực điều tra cơ bản; góp ý tài liệu kỹ thuật phục vụ công tác kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn;

h) Tham gia tổng kết rút kinh nghiệm về công tác kiểm soát số liệu khí tượng thủy văn theo chức trách được giao.

## 2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các chuyên ngành khí tượng, thủy văn, hải văn, hải dương, môi trường hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn quy định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

## 3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có kiến thức cơ bản về chuyên ngành khí tượng thủy văn, hiểu rõ các chế độ, phương pháp quan trắc khí tượng thủy văn, tính toán số liệu;

b) Có năng lực thực hành quan trắc và xử lý tình huống trong thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn;

c) Nắm được tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quan trắc khí tượng thủy văn, mã luật khí tượng thủy văn;

d) Nắm được tính năng, tác dụng của các loại máy, trang thiết bị quan trắc và biết sử dụng các phương pháp tính toán chỉnh biên số liệu khí tượng thủy văn;

đ) Nắm được điều kiện địa lý - khí hậu và nhân tố khác ảnh hưởng đến chất lượng số liệu khí tượng thủy văn.

## Chương III

### BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

#### Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn phải căn cứ vào vị trí việc làm; tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và nhiệm vụ viên chức đang đảm nhận.

2. Viên chức được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương phải bảo đảm đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn theo quy định tại Chương I và Chương II của Thông tư liên tịch này.

3. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

### **Điều 8. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp**

Trường hợp viên chức đã được chuyển xếp ngạch và xếp lương hoặc bổ nhiệm vào các ngạch kiểm soát khí tượng thủy văn theo quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT) và Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp ngạch và xếp lương viên chức ngành tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV) được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp, như sau:

1. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II (mã số V.06.04.10) đối với viên chức đang giữ ngạch kiểm soát viên chính khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.252).

2. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III (mã số V.06.04.11) đối với viên chức đang giữ ngạch kiểm soát viên khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.253).

3. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV (mã số V.06.04.12) đối với viên chức đang giữ các ngạch kiểm soát viên cao đẳng khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.254) và kiểm soát viên trung cấp khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.255).

### **Điều 9. Cách xếp lương**

1. Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP), như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II áp dụng bậc, hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1), từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

b) Chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III áp dụng bậc, hệ số lương của viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

c) Chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV áp dụng bậc, hệ số lương của viên chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

2. Xếp lương khi viên chức hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp:

Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được cấp có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp thì thực hiện xếp bậc, hệ số lương theo chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm, như sau:

a) Trường hợp viên chức có trình độ tiến sĩ khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III (mã số V.06.04.11) thì xếp bậc 3/9, hệ số lương 3,00 của viên chức loại A1;

b) Trường hợp viên chức có trình độ thạc sĩ khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III (mã số V.06.04.11) thì xếp bậc 2/9, hệ số lương 2,67 của viên chức loại A1;

c) Trường hợp viên chức có trình độ đại học khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III (mã số V.06.04.11) thì xếp bậc 1/9, hệ số lương 2,34 của viên chức loại A1;

d) Trường hợp viên chức có trình độ cao đẳng khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV (mã số V.06.04.12) thì xếp bậc 2/12, hệ số lương 2,06 của viên chức loại B;

đ) Trường hợp viên chức có trình độ trung cấp khi được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV (mã số V.06.04.12) thì xếp bậc 1/12, hệ số lương 1,86 của viên chức loại B.

3. Việc xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại Khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được chuyển xếp ngạch và xếp lương hoặc bổ nhiệm vào các ngạch kiểm soát khí tượng thủy văn theo quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT và Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV, thực hiện như sau:

a) Trường hợp viên chức đủ điều kiện bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn có hệ số, bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang hệ số, bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch cũ) vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm.

Ví dụ 1: Bà Phan Thị A đang công tác tại Trung tâm Mạng lưới khí tượng thủy văn và môi trường trực thuộc Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia, đã bổ nhiệm và xếp ngạch kiểm soát viên khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.253),

bậc 5/9, hệ số lương 3,66 từ ngày 01 tháng 01 năm 2013. Nay bà Phan Thị A có đủ điều kiện, tiêu chuẩn và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III (mã số V.06.04.11) thì được xếp lương bậc 5/9, hệ số 3,66 của chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III kể từ ngày quyết định nêu trên có hiệu lực thi hành; thời điểm xét nâng bậc lương lần sau được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

b) Trường hợp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn có trình độ cao đẳng, đang xếp lương ở viên chức loại A0 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV (mã số V.06.04.12) thì việc xếp lương được căn cứ vào thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định (trừ thời gian tập sự), như sau:

- Tính từ bậc 2 của chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV, cứ sau thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) được xếp lên 01 bậc lương (nếu có thời gian đứt quãng mà chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được cộng dồn); trường hợp trong thời gian công tác có năm không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc bị kỷ luật thì bị kéo dài thêm theo chế độ nâng bậc lương thường xuyên.

- Sau khi chuyển xếp lương vào chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV nêu trên, nếu hệ số lương được xếp ở chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) thấp hơn hệ số lương đang hưởng ở ngạch cũ thì được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ; hệ số chênh lệch bảo lưu này được hưởng trong suốt thời gian viên chức xếp lương ở chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV. Sau đó, nếu viên chức được thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng để xếp lương vào chức danh được bổ nhiệm khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới.

Ví dụ 2: Ông Phạm Ngọc B, tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường, được tuyển dụng vào làm việc tại Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Bộ, Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia, đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 02 năm 2012 và hiện giữ ngạch kiểm soát viên cao đẳng khí tượng thủy văn (mã số ngạch 14.254), bậc 2/10, hệ số lương 2,41 của viên chức loại A0 kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2015; trong thời gian công tác luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật. Nay ông Phạm Ngọc B có đủ tiêu chuẩn và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV (mã số V.06.04.12) thì được xếp bậc, hệ số lương, như sau:

- Thời gian công tác của ông Phạm Ngọc B từ ngày 01 tháng 02 năm 2012, trừ thời gian tập sự 06 tháng, tính từ bậc 2 của chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên

khí tượng thủy văn hạng IV và cứ 02 năm xếp lên 1 bậc thì đến ngày 01 tháng 8 năm 2014, ông Phạm Ngọc B được xếp vào bậc 3/12, hệ số lương 2,26 của chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV kể từ ngày quyết định nêu trên có hiệu lực thi hành; thời điểm xét nâng bậc lương lần sau được tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2014; đồng thời ông Phạm Ngọc B được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,15 (2,41 - 2,26).

- Đến ngày 01 tháng 8 năm 2016 (đủ 02 năm), nếu ông Phạm Ngọc B đủ điều kiện, tiêu chuẩn sẽ được cơ quan có thẩm quyền nâng bậc lương thường xuyên lên bậc 4/12, hệ số lương 2,46 của chức danh nghề nghiệp kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng IV và tiếp tục được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,15 (tổng hệ số lương được hưởng là 2,61).

4. Viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn đạt kết quả kỳ thi hoặc xét thăng hạng và được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn hạng trên liền kề thì việc xếp lương thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch này và theo hướng dẫn tại Khoản 1, Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 10. Điều khoản áp dụng**

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn quy định tại Thông tư liên tịch này đối với viên chức đã được chuyển xếp ngạch và xếp lương hoặc bổ nhiệm vào các ngạch kiểm soát khí tượng thủy văn theo quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT và Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV.

#### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư liên tịch này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Các tổ chức sự nghiệp ngoài công lập được vận dụng các quy định này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhân lực làm công tác kiểm soát khí tượng thủy văn.

3. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án chuyển xếp viên chức đang giữ các ngạch kiểm soát khí tượng thủy văn sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn (sau đây viết tắt là phương án chuyển xếp) đối với viên chức thuộc phạm vi quản lý theo Biểu mẫu kèm theo Thông tư liên tịch này, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án chuyển xếp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổng hợp phương án chuyển xếp của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, gửi bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để xem xét, phê duyệt;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án chuyển xếp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc chuyển xếp chức danh nghề nghiệp;

b) Phê duyệt phương án chuyển xếp của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình chuyển xếp chức danh nghề nghiệp;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn theo thẩm quyền;

d) Hàng năm, báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ.

## **Điều 12. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2016.

2. Bãi bỏ các quy định về chức danh và mã số các ngạch viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn tại Quyết định số 01/2008/QĐ-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành chức danh và mã số ngạch các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

3. Bãi bỏ các quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

4. Bãi bỏ các quy định về hướng dẫn chuyển xếp ngạch và xếp lương viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn tại Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ hướng dẫn chuyển xếp ngạch và xếp lương viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

### **Điều 13. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Trần Anh Tuấn**

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Trần Hồng Hà**

Tên đơn vị cấp trên trực tiếp...

Tên đơn vị.....

**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN XẾP VIÊN CHỨC CÁC NGẠCH CHUYÊN NGÀNH KIỂM SOÁT KHÍ TƯỢNG  
THỦY VĂN SANG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH KIỂM SOÁT  
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2015  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ)

| TT                                                                                                 | Ngày, tháng, năm sinh |    | Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo | Ngạch, bậc lương đang hưởng |                 |             |                                         |                 |                          |                                   |                 | Chức danh nghề nghiệp, bậc, hệ số lương được chuyển xếp |             |                                         |                                                              |                          |                                   |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----|---------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|-------------|-----------------------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|----|
|                                                                                                    | Nam                   | Nữ |                                             | Mã số ngạch                 | Bậc trong ngạch | Hệ số lương | % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) | Thời điểm hưởng | Phụ cấp chức vụ (nếu có) | Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) | Mã số chức danh | Bậc trong chức danh                                     | Hệ số lương | % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) | Thời điểm tính năng bậc lương hoặc % PCTN vượt khung lần sau | Phụ cấp chức vụ (nếu có) | Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) |    |
| 1                                                                                                  | 2                     | 3  | 4                                           | 5                           | 6               | 7           | 8                                       | 9               | 10                       | 11                                | 12              | 13                                                      | 14          | 15                                      | 16                                                           | 17                       | 18                                | 19 |
| I. Viên chức chuyển môn kỹ thuật giữ chức danh lãnh đạo được bổ nhiệm                              |                       |    |                                             |                             |                 |             |                                         |                 |                          |                                   |                 |                                                         |             |                                         |                                                              |                          |                                   |    |
|                                                                                                    |                       |    |                                             |                             |                 |             |                                         |                 |                          |                                   |                 |                                                         |             |                                         |                                                              |                          |                                   |    |
|                                                                                                    |                       |    |                                             |                             |                 |             |                                         |                 |                          |                                   |                 |                                                         |             |                                         |                                                              |                          |                                   |    |
| II. Viên chức chuyển môn nghiệp vụ kỹ thuật (kể cả những viên chức đang tập sự)                    |                       |    |                                             |                             |                 |             |                                         |                 |                          |                                   |                 |                                                         |             |                                         |                                                              |                          |                                   |    |
|                                                                                                    |                       |    |                                             |                             |                 |             |                                         |                 |                          |                                   |                 |                                                         |             |                                         |                                                              |                          |                                   |    |
|                                                                                                    |                       |    |                                             |                             |                 |             |                                         |                 |                          |                                   |                 |                                                         |             |                                         |                                                              |                          |                                   |    |
| III. Lao động hợp đồng đã xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ |                       |    |                                             |                             |                 |             |                                         |                 |                          |                                   |                 |                                                         |             |                                         |                                                              |                          |                                   |    |
|                                                                                                    |                       |    |                                             |                             |                 |             |                                         |                 |                          |                                   |                 |                                                         |             |                                         |                                                              |                          |                                   |    |
|                                                                                                    |                       |    |                                             |                             |                 |             |                                         |                 |                          |                                   |                 |                                                         |             |                                         |                                                              |                          |                                   |    |

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký tên)

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN  
TỔ CHỨC CÁN BỘ**  
(Ký tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên và đóng dấu)